Họ tên: Nguyễn Thanh Nhứt

MSSV: 21140001

Môn: Kiến trúc và Thiết kế phần mềm

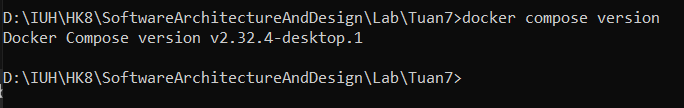
Thực hành Tuần 7

Link github: <https://github.com/NguyenThanhNhut13/KTTKPM/tree/main/Tuan7>

# Phần 1: Một số lệnh Docker Compose cơ bản

1. docker compose version

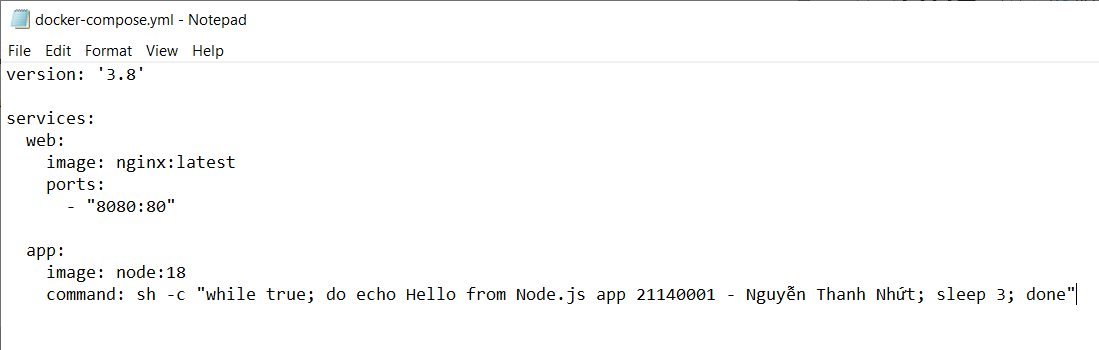
Kiểm tra phiên bản của Docker Compose đang được cài đặt.

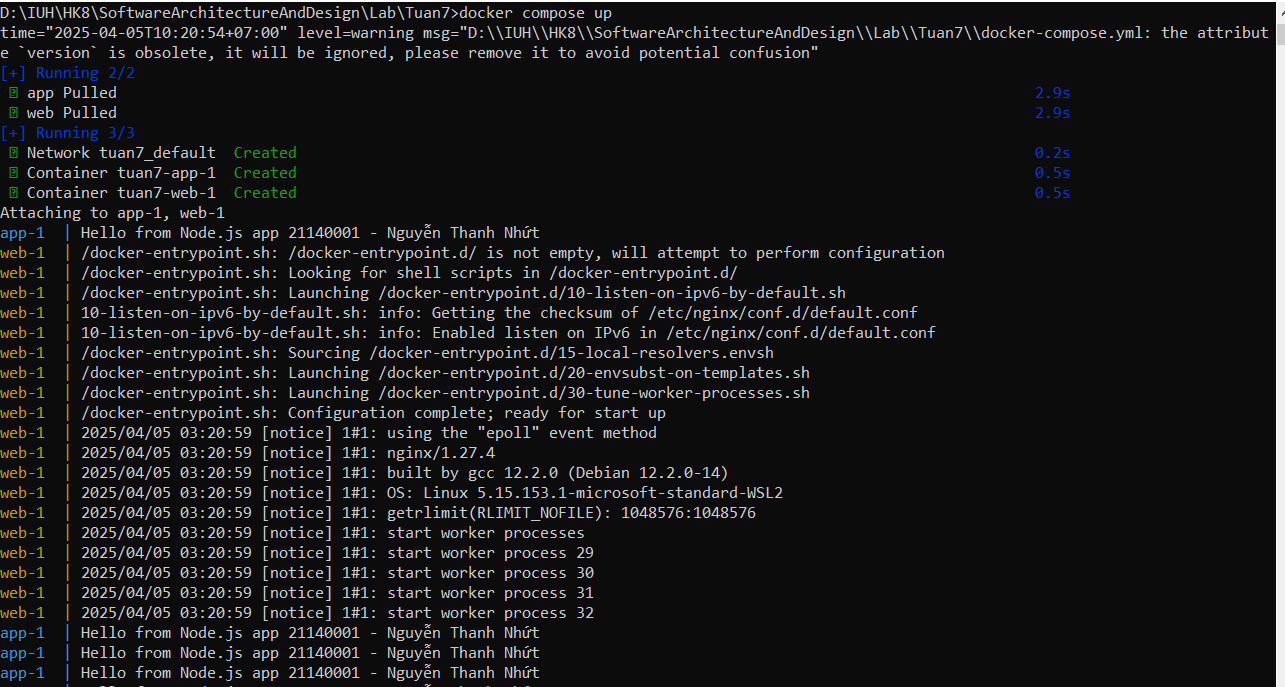


1. docker compose up

Khởi động và tạo các container dựa trên file docker-compose.yml.

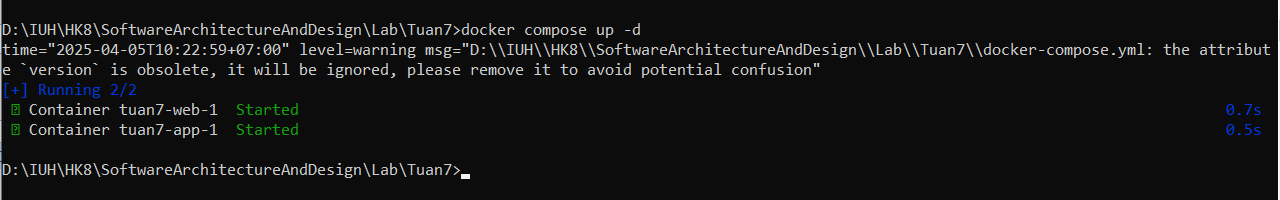
Tạo file docker-compose.yml





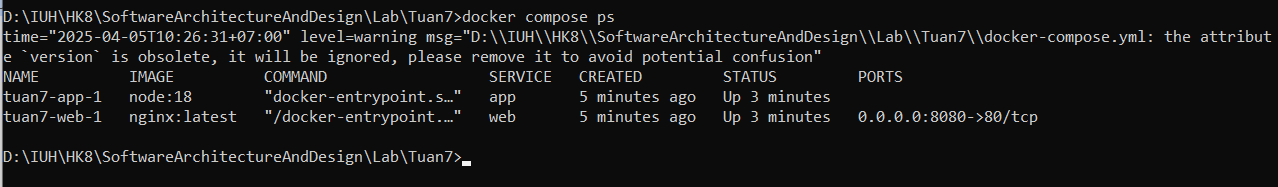
1. docker compose up -d

Khởi động container ở chế độ detached (nền).



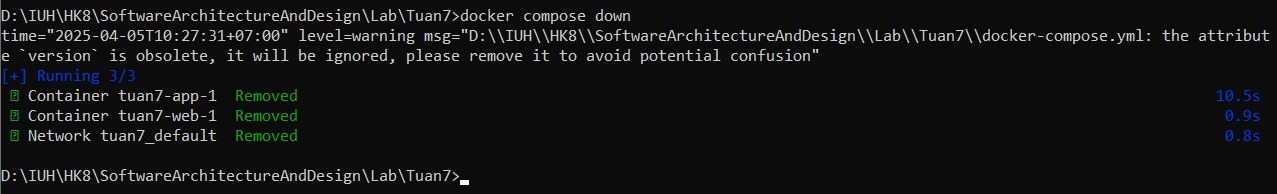
1. docker compose ps

Hiển thị danh sách các container đang chạy trong project Docker Compose.



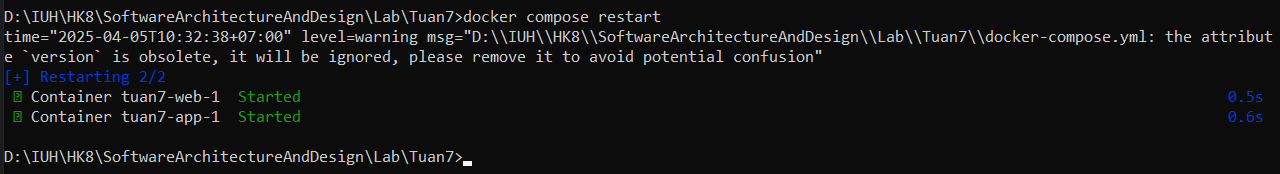
1. docker compose down

Dừng và xóa toàn bộ container, mạng, và volumes tạm thời được tạo bởi docker-compose up.



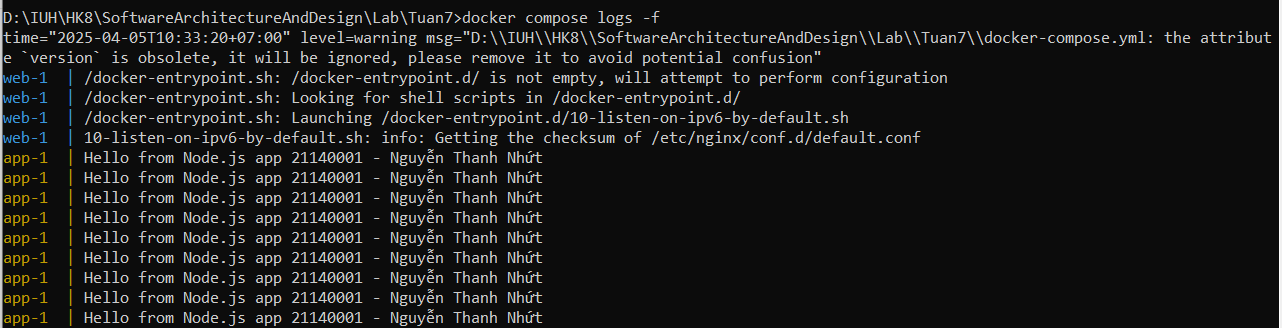
1. docker compose restart

Khởi động lại tất cả các container trong project.



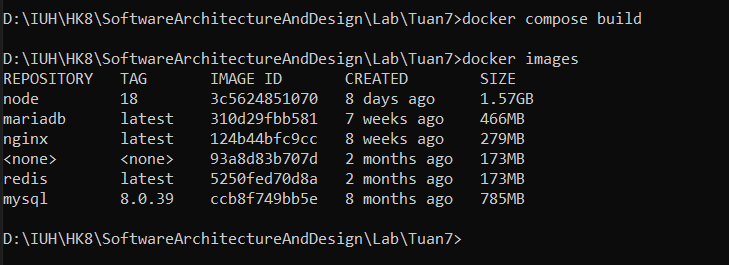
1. docker compose logs -f

Theo dõi log của các container trong Docker Compose (tương tự tail -f)



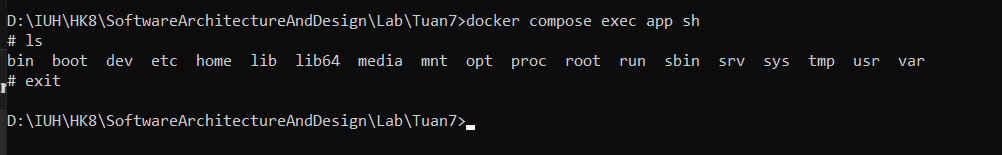
1. docker compose build

Build lại image từ Dockerfile trong docker-compose.yml.



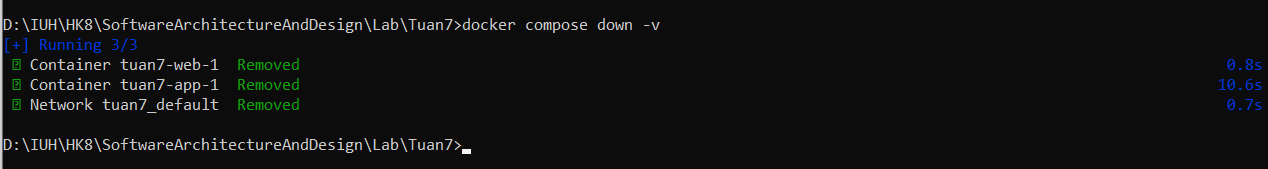
1. docker compose exec <service\_name> <command>

Chạy lệnh trong container đang chạy.



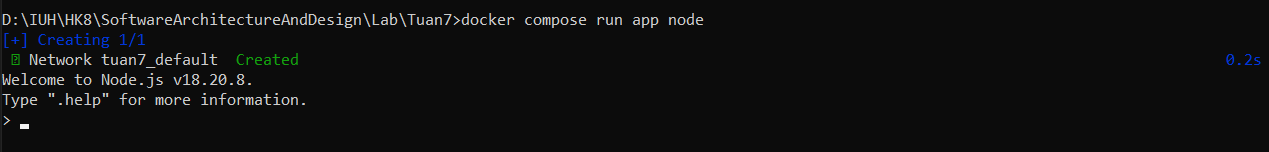
1. docker compose down -v

Xóa container và cả volume liên quan.



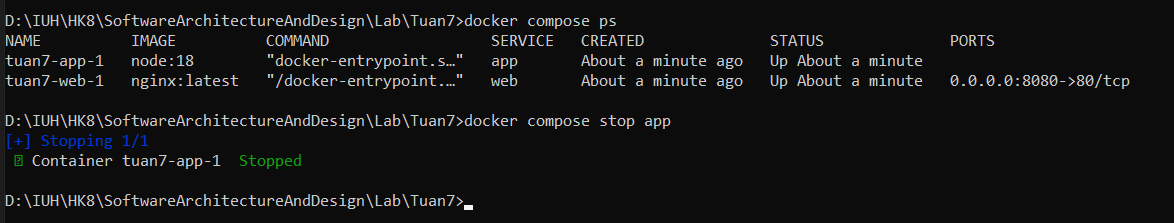
1. docker compose run <service\_name> <command>

Tạo container tạm thời để chạy lệnh.



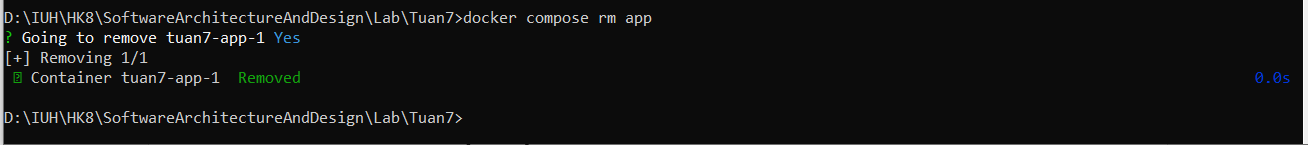
1. docker compose stop <service\_name>

Dừng container theo tên service.



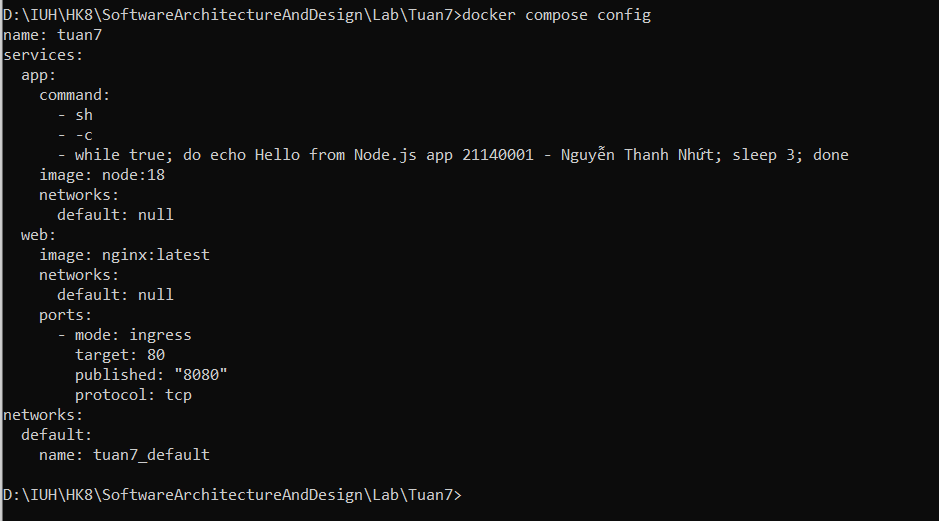
1. docker compose rm <service\_name>

Xóa container đã dừng của một service cụ thể.



1. docker compose config

Kiểm tra file docker-compose.yml sau khi đã được merge, validate cấu trúc.



1. docker compose up -d –build

Build lại image và chạy container trong chế độ detached.

